

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/KDTM-PT
Ngày 10/9/2020
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ
trả nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Bà Trương Thị Kim Duyên. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09- 10/09/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2020/TLPT-KDTM ngày 04/5/2020 về tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2019/KDTM-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2020/QĐ-PT, ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ trụ sở: Lô 13, Đường số 2, Khu công nghiệp Hưng Lộc, thành phố Vinh, Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân T; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T. Luật sư, Thành phố Vinh, Nghệ An. Theo Hợp đồng ủy quyền số 03 ngày 17/4/2019. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An (gọi tắt là PC).

Địa chỉ trụ sở: Thành phố Vinh, Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn B; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Văn P; Sinh năm: 1974; chức vụ: Kế toán trưởng.
- Ông Nguyễn Hồng Q; Sinh năm: 1976; Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị; Phó trưởng Ban tổ chức hành chính.

Văn bản ủy quyền số 137/PC-TCHC ngày 12/8/2019.

Ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Hồng Q, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Đ; Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Thành phố Vinh, Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2019/KDTM-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh thì vụ án có nội dung như sau:

Tại "Đơn khởi kiện" ngày 17/4/2019 và Đơn bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/9/2019, nguyên đơn là Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An thanh toán số tiền 303.112.520 đồng. Lý do: Ngày 23/12/2011, ông Lê Văn Đồng, Giám đốc Xí nghiệp 2 đại diện Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An (gọi là bên A) ký kết Hợp đồng kinh tế số 27/2011/HĐKT với Công ty TNHH A (gọi là bên B). Theo đó: Bên B thực hiện cung cấp và lắp đặt toàn bộ hệ thống cửa nhựa có lõi thép gia cường thương hiệu AUSTDOOR cho công trình nhà máy nhiệt điện Vũng Áng ở xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh do Công ty cổ phần Tổng công ty dầu khí Nghệ An làm nhà thầu. Giá trị hợp đồng là 1.700.000.000 đồng, giá trị thực tế thi công đã nghiệm thu, thanh lý là 1.762.112.520 đồng. Quá trình thanh toán, Xí nghiệp 2 và Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều lần, với tổng số tiền: 1.459.000.000 đồng, chưa thanh toán 303.112.520 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn Phúc và ông Nguyễn Hồng Quang trình bày: PC không phải là bên có nghĩa vụ đối với Công ty TNHH A; Công nợ phát sinh từ hợp đồng số 27/2011/HĐKT do Công ty TNHH A ký kết với ông Lê Văn Đồng thì cá nhân ông Lê Văn Đồng có trách nhiệm thanh toán; Về giá trị công nợ, đề nghị Tòa án yêu cầu Công ty TNHH A và ông Lê Văn Đồng phối hợp đối chiếu, thống nhất lại giá trị công nợ; Căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng Dân sự thì tranh chấp hợp đồng số 27/2011/HĐKT đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xem xét về tư cách các bên trong giao dịch giữa Công ty A và ông Lê Văn Đồng – Giám đốc Xí nghiệp 2: Xí nghiệp 2 là một đơn vị trực thuộc PC, không có tư cách pháp

nhân và không được tự mình tham gia hoặc đại diện, nhân danh PC để ký kết hợp đồng kinh tế với các thể nhân, pháp nhân khác; Ông Lê Văn Đồng cũng không được uỷ quyền, không được chỉ đạo ký hợp đồng với Công ty A, hai bên tự ý xác lập hợp đồng, PC hoàn toàn không được biết. Do đó Công ty TNHH A cho rằng ông Lê Văn Đồng ký kết với tư cách giám đốc Xí nghiệp 2 và là đại diện cho PC khi ký kết hợp đồng kinh tế số 27/2011/HĐKT là hoàn toàn không có cơ sở. Trong Hợp đồng kinh tế số 27/2011/HĐKT, ông Lê Văn Đồng chỉ được ký với tư cách cá nhân và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này. Khoản nợ Công ty TNHH A yêu cầu thanh toán phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 27/2011/HĐKT thì Công ty TNHH A phải làm việc với cá nhân ông Lê Văn Đồng để giải quyết. PC không phải là một bên xác lập hợp đồng, không được hưởng lợi từ hợp đồng nên PC không thể gánh chịu hậu quả thay cho ông Lê Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Đ trình bày: Ông Đồng là Giám đốc Xí nghiệp 2 trực thuộc Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An. Vào ngày 23/12/2011, giữa Xí nghiệp 2 trực thuộc Tổng Công ty X Nghệ An và Công ty TNHH A có ký kết Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp lắp đặt toàn bộ cửa nhựa lõi thép cho Công trình nhà 1A2 thuộc Dự án “Khu nhà dành cho CBCNV đang giai đoạn quản lý, vận hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1”. Sau khi Công ty TNHH A thi công lắp đặt xong, hai bên đã nghiệm thu ngày 04/4/2012, thanh lý hợp đồng ngày 06/4/2012. Giá trị hợp đồng: 1.700.000.000 đồng. Giá trị phát sinh: 62.112.520 đồng. Tổng giá trị thanh toán: 1.762.112.520 đồng. Đến thời điểm hiện tại Xí nghiệp 2 và Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An đã thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền là: 1.459.000.000 đồng. Số tiền còn nợ là: 303.112.520 đồng (đã bao gồm VAT).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ và chịu án phí theo quy định.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2019/KDTM-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã quyết định: Căn cứ: khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 185, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 4, Điều 317 Luật Thương mại; Điều 145, 146, 255, 256 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 142, Điều 143, khoản 2 Điều 155, Điều 163, Điều 164, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xứ: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH A: Buộc Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH A số tiền nợ là: 303.112.520 đồng (*Ba trăm lẻ ba triệu, một trăm mười hai ngàn, năm trăm hai mươi đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án, lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2019, bị đơn là Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An gửi đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung: Đề nghị tuyên việc Công ty TNHH A khởi kiện Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An là tranh chấp hợp đồng dân sự đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015; Đề nghị tuyên PC không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH A; Buộc ông Lê Văn Đồng có trách nhiệm cá nhân trong việc thanh toán nợ cho Công ty TNHH A theo hợp đồng số 27/2011/HĐKT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn rút nội dung kháng cáo: buộc ông Lê Văn Đồng có trách nhiệm cá nhân trong việc thanh toán nợ cho Công ty TNHH A theo hợp đồng số 27/2011/HĐKT, các nội dung khác vẫn giữ nguyên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn khởi kiện thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ và đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ông Lê Văn Đồng ký kết Hợp đồng kinh tế số 27/2011 ngày 23/12/2011 mà không được sự ủy quyền của PC là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thừa nhận nội dung hợp đồng liên quan đến việc thực hiện gói thầu chung của PC và thực tế PC đã nhiều lần trực tiếp thanh toán cho Công ty TNHH A; ngày 14/6/2013, các bên đã có Biên bản làm việc xác nhận số nợ, thời gian trả nợ, PC cam kết chỉ đạo Xí nghiệp 2 tập trung thu hồi công nợ để thanh toán cho Công ty A khi có nguồn tiền về. Sau đó PC đã thực hiện cam kết cụ thể bằng việc chuyển tiền thanh toán cho Công ty A. Tòa án sơ thẩm xác định PC là bị đơn của vụ kiện

và chịu trách nhiệm trả nợ là đảm bảo đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 BLTTDS 2015, Điều 145 BLDS 2005.

Mặc dù công ty A chưa xuất hóa đơn đầy đủ nhưng PC đều kiểm soát chi khi thực hiện việc chuyển tiền cho công ty A; PC cũng thừa nhận số tiền thi công công trình nhà 1A2 đã được Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho PC dựa trên hồ sơ khối lượng đã được nghiệm thu khi chưa có đầy đủ hóa đơn. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, công ty A cũng đã giao các hóa đơn, chứng từ thanh toán nhưng PC từ chối không nhận. Bị đơn kháng cáo cho rằng Công ty TNHH A chưa xuất hóa đơn thì chưa xác định công nợ là không có căn cứ.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm; xét kháng cáo của Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Ông Lê Văn Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, phiên tòa mở lần thứ ba nhưng ông Lê Văn Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty TNHH A và Xí nghiệp 2, Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đã thỏa thuận ký kết hợp đồng số 27/2011/HĐKT ngày 23/12/2011 về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa, vách kính tại công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình thỏa thuận ký kết, hai bên đã thống nhất các điều khoản về chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, thời gian, tiến độ, khối lượng, giá trị hợp đồng. Hợp đồng được hai bên triển khai thực hiện và đã nghiệm thu ngày 04/4/2012, thanh lý hợp đồng ngày 06/4/2012 với giá trị thanh lý 1.762.112.520 đồng. Đến thời điểm thanh lý, Xí nghiệp 2 và Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đã thanh toán cho Công ty

TNHH A 650.000.000 đồng, chưa thanh toán 1.112.112.520 đồng. Từ sau thời điểm thanh lý đến ngày 14/2/2015, Xí nghiệp 2 và Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH A nhiều lần, đến nay còn nợ 303.112.520 đồng. Hợp đồng đã thanh lý, hai bên không có tranh chấp hợp đồng, Công ty TNHH A không yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế mà khởi kiện đòi nợ đối với số tiền còn lại mà Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An chưa thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 27/2011/HĐKT ngày 23/12/2011 và Biên bản làm việc, chốt công nợ ngày 14/6/2013.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 thì: “Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:... Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này”; căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015 thì: “Thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp:...Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu...”. Nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng tranh chấp giữa Công ty TNHH A và Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An là tranh chấp hợp đồng dân sự đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xí nghiệp 2 là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An. Xí nghiệp 2 là đơn vị không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc vào Tổng công ty; phụ thuộc vào Tổng công ty về quản lý, điều hành, nhân sự, phân công công việc và lợi nhuận thông qua các hợp đồng giao khoán nội bộ. Việc thực hiện hạng mục Nhà 1 A2, Khu nhà dành cho CBCNV trong giai đoạn quản lý, vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, được thực hiện theo Hợp đồng giao khoán nội bộ số 102/2010/GKNB ngày 15/12/2010 giữa Xí nghiệp 2 và Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An. Ông Lê Văn Đồng là người có hợp đồng lao động với Tổng Công ty, được Tổng giám đốc bổ nhiệm vào chức vụ giám đốc xí nghiệp, điều hành hoạt động xí nghiệp. Khi ký kết Hợp đồng kinh tế số 27/2011/HĐKT ngày 23/12/2011 với Công ty TNHH A, ông Lê Văn Đồng không được sự ủy quyền của Tổng giám đốc Tổng công ty. Tuy nhiên, nội dung hợp đồng liên quan đến hoạt động của Xí nghiệp 2 trong việc thực hiện gói thầu theo Hợp đồng giao khoán nội bộ với Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An trong gói thầu chung Dự án: Khu nhà dành cho CBCNV trong giai đoạn quản lý, vận hành Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (Công trình do Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An làm nhà thầu). Sau khi hợp đồng được ký kết hai bên đã thực hiện quyền nghĩa vụ của mình. Xí nghiệp 2 và Công ty cổ phần Tổng công ty X

Nghệ An đã nhiều lần thanh toán tiền cho Công ty TNHH A trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng như sau khi hợp đồng được nghiệm thu. Các lần Xí nghiệp 2 đề nghị thanh toán cho Công ty TNHH A đều được Kế toán Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An xem xét, lãnh đạo Tổng công ty ký duyệt. Ngày 10/2/2012, thời điểm các bên đang thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đã trực tiếp chuyển cho Công ty TNHH A số tiền 150.000.000 đồng liên quan đến việc thực hiện dự án. Điều đó chứng tỏ Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đã biết việc Xí nghiệp 2 có giao dịch với Công ty TNHH A trong việc thực hiện dự án từ khi hai bên đang thực hiện hợp đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 14/6/2013, có sự tham gia của đại diện Xí nghiệp và Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đã xác nhận “Tính đến ngày 14/6/2013, Xí nghiệp 2 – TCT X Nghệ An đang nợ Công ty A số tiền là: 681.112.520 đồng”. Sau khi ký kết Biên bản làm việc này, ngày 21/6/2013 và ngày 20/11/2013, Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đã trực tiếp chuyển tiền hai lần, mỗi lần 100.000.000 đồng để trả nợ cho Công ty TNHH A.

Như vậy, Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An hoàn toàn biết được việc Xí nghiệp 2 có hợp đồng với Công ty TNHH A liên quan đến việc thực hiện dự án và không có ý kiến phản đối; đã tham gia vào việc thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty A trong thời gian thực hiện hợp đồng cũng như sau khi hợp đồng được thanh lý. Toàn bộ công trình do Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An làm nhà thầu trong đó có hạng mục thi công của Xí nghiệp 2 đã được thanh quyết toán xong với Chủ đầu tư công trình là Ban quản lý Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Từ những căn cứ trên, có cơ sở để xác định trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc về Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An theo quy định tại Điều 145, 146 Bộ luật Dân sự 2005.

[2.3] Trong nội dung kháng cáo và trình bày tại phiên tòa, Công ty cổ phần Tổng công ty dầu khí Nghệ An cho rằng việc xác nhận công nợ giữa các bên còn phiến diện, chưa tuân thủ nguyên tắc kế toán; Công ty TNHH A chưa xuất hóa đơn thanh toán, vì vậy chưa đủ cơ sở để xác định công nợ hai bên.

Xét thấy, Hợp đồng số 27 đã được các bên nghiệm thu, thanh lý, chốt công nợ, các bên không tranh chấp về hợp đồng, biên bản làm việc chốt công nợ ngày 14/6/2013 có sự xác nhận của lãnh đạo Tổng công ty. Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đã tiến hành thanh toán cho Công ty TNHH A nhiều lần tại các

thời điểm trước và sau khi chốt công nợ. Các lần thanh toán cho Công ty TNHH A, Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An đều kiểm soát chi.

Tại điểm 5.3 Điều 5 và Điểm 9.2 Điều 9 Hợp đồng giao khoán nội bộ số 102/2010/GKNB ngày 15/12/2010 giữa Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An và Xí nghiệp 2 có nội dung: PC sẽ thanh toán cho Xí nghiệp 2 theo tiến độ mà Chủ đầu tư thanh toán PC; Xí nghiệp 2 chịu trách nhiệm tổng hợp hóa đơn, chứng từ để hạch toán kế toán công trình. Số tiền thi công công trình nhà 1A2 đã được Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho PC dựa trên hồ sơ khối lượng đã được nghiệm thu trong khi chưa có đầy đủ hóa đơn. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Công ty TNHH A cũng đã giao các hóa đơn, chứng từ thanh toán, nhưng PC từ chối không nhận. Do đó, việc Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An kháng cáo cho rằng chưa xuất hóa đơn thì chưa đủ cơ sở để hình thành công nợ là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn là Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 303.112.520 đồng là có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc Tổng công ty X Nghệ An phải chịu án phí sơ thẩm và trả lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là đúng quy định.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Tổng công ty X Nghệ An không được chấp nhận nên Tổng công ty X Nghệ An phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 184, Điều 185, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 145, 146, 255, 256 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 142, Điều 143, khoản 2 Điều 155, Điều 163, Điều 164, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A: Buộc Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH

A số tiền nợ là: 303.112.520 đồng (*Ba trăm lẻ ba triệu, một trăm mười hai ngàn, năm trăm hai mươi đồng*).

[4] Về án phí

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Tổng công ty X Nghệ An phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 15.155.000 đồng (*Mười lăm triệu, một trăm năm lăm ngàn*).

Hoàn trả cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.700.000 đồng (*Mười chín triệu, bảy trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007150 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần Tổng Công ty X Nghệ An phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, theo biên lai thu số 0002408 ngày 09/12/2019.

[5] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Trần Quốc Cường**

